

Bản án số: 120/2018/DS-PT

Ngày: 20/8/2018

V/v: “*Tranh chấp thừa kế, chia tài sản chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phước Thanh.

Các thẩm phán: Ông Mai Xuân Thành.

Ông Lê Tự.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thanh Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Thái Văn Đoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 58/2017/TLPT-DS ngày 04 tháng 12 năm 2017 về việc “*Tranh chấp thừa kế và chia tài sản chung*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 55/2017/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58C/2018/QĐ-PT ngày 25 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1/ Ông Lê Văn B, sinh năm: 1945.

Địa chỉ: Thôn 01 xã HT1, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

2/ Bà Lê Thị P (*Ngô Thị P*), sinh năm: 1945.

Địa chỉ: 11/07, 87 Đường HK, phường 5, quận G, thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Bà Lê Thị T (*Nguyễn Thị Th1*) sinh năm: 1947.

Trú tại: 14/10 Đường TN, tổ 69, phường B1, quận H2, thành phố Đà Nẵng .

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim M, sinh năm: 1968.

Trú tại: Tổ 11, phường P2, quận S1, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn:

Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1957. Trú tại: 62/3 Đường TM, phường AH, quận S1, thành phố Đà Nẵng (*Văn bản ủy quyền ngày 25/9/2017*).

-Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

1/ Ông Lê Văn T1, sinh năm 1951.

Trú tại: USA.

2/ Bà Lê Thị Kim L, sinh năm 1952.

Trú tại: USA.

3/ Ông Huỳnh Văn T2, sinh năm: 1968.

Trú tại: Tổ 11, phường P2, quận S1, thành phố Đà Nẵng

Người đại diện theo ủy quyền cho ông T2:

Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1957. Trú tại: 62/3 Đường TM, phường AH, quận S1, thành phố Đà Nẵng (*Văn bản ủy quyền ngày 25/9/2017*).

4/ Bà Nguyễn Thị Kim L1, sinh năm 1966. Trú tại: 73 đường VT, thành phố N1, tỉnh Khánh Hòa.

5/ Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1969, Trú tại: Nhà D12, Chung cư số 09 đường N2, thành phố N1, tỉnh Khánh Hòa.

6/ Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1970. Trú tại: Nhà D12, Chung cư số 09 Đường N2, thành phố N1, tỉnh Khánh Hòa.

7/ Ông Nguyễn Văn L2 sinh năm 1972. Trú tại: Nhà D12, Chung cư số 09 Đường N2, thành phố N1, tỉnh Khánh Hòa.

8/ Bà Nguyễn Thị Kim T3, sinh năm: 1974. Trú tại: Nhà D12, Chung cư số 09 Đường N2, thành phố N1, tỉnh Khánh Hòa.

9/ Châu Nguyễn Ngọc D, sinh năm 2002. Trú tại: Nhà D12, Chung cư số 09 Đường N2, thành phố N1, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo pháp luật cho cháu Duyên

Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1970 (*bố nuôi*). Trú tại: Nhà D12, Chung cư số 09 Đường N2, thành phố N1, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền cho các ông, bà Nguyễn Thị Kim L1, Nguyễn Thị Kim H, Nguyễn Thị Kim T3, Nguyễn Văn L2 và Nguyễn Văn S:

Bà Nguyễn Thị Kim M, sinh năm: 1968. Trú tại: Tổ 11, phường P2, quận S1, Đà Nẵng (*Văn bản ủy quyền ngày 10/7/2016, 12/7/2016 và 14/9/2017*).

4. Người kháng cáo:

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim M.
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Huỳnh Văn T2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hoà giải, nguyên đơn ông Lê Văn B, bà Lê Thị P và bà Lê Thị T trình bày:

Cha chúng tôi là ông Lê Văn X (*chết trước năm 1975*) có hai người vợ là bà Phan Thị T4 (*chết năm 2004*) và bà Ngô Thị T5 (*chết năm 2010*).

Ông Lê Văn X và bà Phan Thị T4 sinh được 03 người con là: Ông Lê Văn B, bà Lê Thị T và ông Lê Văn H1 (*chết, không có vợ con*).

Ông Lê Văn X và bà Ngô Thị T5 sinh được 05 người con là: Bà Lê Thị P1, bà Lê Thị P, ông Lê Văn T1, bà Lê Thị K (*Kim L*) và ông Lê Văn Đ. Ông Đ chết năm 1977 không có vợ con.

Bà Lê Thị P1 (*chết năm 2008*) và chồng là Nguyễn Văn M1 (*chết năm 1986*) có 07 người con gồm: Nguyễn Thị Kim L1, Nguyễn Thị Kim M, Nguyễn Thị Kim H, Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn L2, Nguyễn Thị Kim T3 và Nguyễn Văn Ph (*chết năm 2010, không có vợ, có 01 người con là cháu Nguyễn Thị Ngọc D đang sống với ông Nguyễn Văn S*).

Giữa ông Lê Văn X và bà Phan Thị T4 không có tài sản chung gì.

Quá trình chung sống, giữa ông Lê Văn X và bà Ngô Thị T5 có tạo lập tài sản chung là nhà và đất tại thửa 13, tờ bản đồ số 29, tổ 11 phường P2, quận S1, thành phố Đà Nẵng, theo bản chính Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số: 3403061104 do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 15/10/2001.

Nguồn gốc đất do cha mẹ chúng tôi khai hoang mà có được, nhà là do con gái là bà Lê Thị K (*Kim L*) ở Mỹ về đứng ra xây dựng. Sau khi cha tôi chết, mẹ chúng tôi là bà T5 tiếp tục quản lý, sử dụng nhà và đất nói trên.

Năm 1986 nhà đất nói trên giải toả một phần, được đền bù số tiền 114.000.000đ và bố trí 01 lô đất tái định cư B2 khu An Cư mở rộng.

Số tiền đền bù và lô đất giải toả này do ông Huỳnh Văn T2 là chồng bà Nguyễn Thị Kim M nhận. Hiện nay, tài sản của ông Lê Văn X và bà Ngô Thị T5 còn lại khoảng 200m².

Năm 2006, mẹ chúng tôi già yếu, bị tai biến và trong thời gian này anh em chúng tôi ở xa nhưng vẫn thường xuyên đi lại để chăm sóc mẹ chúng tôi và có nhờ bà Nguyễn Thị Kim M là cháu ngoại ở gần nhà đi lại lo cơm nước và chăm sóc cho

mẹ. Chúng tôi vẫn thường xuyên gửi tiền về cho bà Nguyễn Thị Kim M để bà M có tiền chăm sóc cho mẹ chúng tôi.

Vào ngày 20/02/2008 bà Nguyễn Thị Kim M lợi dụng lúc không có anh em chúng tôi và mẹ tôi già yếu, kém minh mẫn đã làm bản di chúc đưa cán bộ phường xuống nhà điếm chỉ tay mẹ tôi nhằm giao quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở cho bà Nguyễn Thị Kim M được thừa kế.

Đến năm 2010, mẹ chúng tôi mất, bà Nguyễn Thị Kim M đã chuyển về ngôi nhà của mẹ chúng tôi để ở nhằm chiếm đoạt nhà và đất nói trên. Chúng tôi phát hiện nên khởi kiện đến Toà án. Tại Bản án sơ thẩm số: 18/2013/DS-ST ngày 26/9/2013 của Toà án nhân dân thành phố Đà Nẵng và Bản án số: 37/2014/DS-PT ngày 10/06/2014 của Tòa án phúc thẩm tại Đà Nẵng đã hủy di chúc. Chúng tôi yêu cầu bà M giao lại nhà và đất cho ba mẹ chúng tôi nhưng bà M kiên quyết không trả, cố tình chiếm đoạt gây khó khăn và đe dọa anh em chúng tôi. Ông Lê Văn B, đại diện 05 anh em làm đơn gửi ra Ủy ban phường kiến nghị giải quyết cũng không đi đến kết quả nên anh em chúng tôi làm đơn khởi kiện Toà án chia di sản thừa kế và chia tài sản chung.

Bà Lê Thị P1 là mẹ đẻ của bà Nguyễn Thị Kim M nên bà M chỉ được hưởng phần thừa kế của bà Lê Thị P1. Hiện tại vợ chồng bà Nguyễn Thị Kim M đã có nhà riêng ở tổ 14B phường P2, quận S1, thành phố Đà Nẵng.

Nay nguyên đơn yêu cầu Toà án giải quyết chia thừa kế theo pháp luật di sản của bà Ngô Thị T5 và chia tài sản chung đối với tài sản của ông Lê Văn X, cụ thể:

- Nhà và đất tại thửa 13, tờ bản đồ số 29, tổ 11, phường P2, quận S1, TP Đà Nẵng.

- 114.079.697đ, tiền đền bù giải tỏa một phần diện tích của lô đất tại thửa 13, tờ bản đồ số 29, tổ 11, phường P2, quận S1, TP Đà Nẵng.

- 01 lô đất tại lô số B4.29 khu An Cư 2 mở rộng theo Phiếu đăng ký đất tái định cư 01/01 của Ban Quản lý Dự án Công trình Bạch Đằng Đông ký ngày 31/7/2007.

Đến ngày 10/01/2017, ông Lê Văn B, bà Lê Thị P, bà Lê Thị T có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện đối với lô đất tại lô số B4.29 khu An Cư 2 mở rộng.

Tại bản tự khai, biên bản hoà giải bị đơn bà Nguyễn Thị Kim M trình bày:

Tôi thống nhất với ý kiến của nguyên đơn về dòng đời và vợ con của ông Ngô Văn X.

Ông ngoại tôi, Lê Văn X chết năm 1958 không để lại di chúc.

Bà ngoại tôi, Ngô Thị T5 chết năm 2010 có để lại di chúc cho tôi được hưởng toàn bộ nhà, đất tại tổ 11 phường P2, quận S1, thành phố Đà Nẵng. Di chúc được Ủy ban nhân dân phường P2 chứng thực hợp pháp.

Di sản do bà ngoại tôi để lại là nhà đất tại tổ 11 phường P2, quận S1, thành phố Đà Nẵng, ngoài ra không còn di sản nào khác.

Đây là tài sản riêng của bà Ngô Thị T5, không liên quan đến ông Lê Văn X cũng như bà Phan Thị T4. Trước đây, ông Lê Văn X và bà Ngô Thị T5 ở tổ 22 phường P2, nhà đất này là của cha mẹ ông Lê Văn X.

Năm 1960 bà Ngô Thị T5 dẫn các con đi Nha Trang, sau khi quay về thì ngôi nhà ở tổ 22 Phước Mỹ không còn nên bà Ngô Thị T5 tạo lập ngôi nhà mới ở tổ 11 Phước Mỹ, nhà mái tôn, vách ván, nền gạch. Lúc này ông Lê Văn X đã chết vào năm 1959 nên khối tài sản này hoàn toàn không liên quan đến ông Lê Văn X. Bà Ngô Thị T5 ở lại đây cùng các con.

Năm 1971 tôi đến ở cùng bà Ngô Thị T5 cho đến nay. Giấy chứng nhận được cấp đứng tên ông Lê Văn X và là Ngô Thị T5 là do bà T5 khai theo yêu cầu của chính quyền.

Năm 1990, tôi lập gia đình với ông Huỳnh Văn T2 và ở ngôi nhà đó cho đến nay. Sau năm 1995, bà Ngô Thị T5 có xây dựng lại ngôi nhà, chúng tôi không có sửa sang gì thêm.

Năm 2007, nhà đất được giải toả, số tiền đền bù là 114.000.000đ do ông Huỳnh Văn T2 nhận giao lại cho bà Ngô Thị T5 chi phí vào việc sửa lại phần giải toả phía hiên trước. Riêng lô đất tái định cư B2.29 An Cư mở rộng do ông Huỳnh Văn T2 nhận, sau đó đã bán cho ông Thành với giá 200.000.000đ đến 220.000.000đ. Số tiền bán đất bà Ngô Thị T5 trang trải chữa bệnh cho mình, chi phí ăn uống cũng như chữa bệnh cho bà Lê Thị P1 là mẹ của tôi.

Nay nguyên đơn yêu cầu chia di sản của ông Lê Văn X và bà Ngô Thị T5 thì tôi có ý kiến như sau: Tôi sống với bà ngoại là bà Ngô Thị T5 từ năm 03 tuổi cho đến khi bà mất. Một mình tôi đã chăm sóc cho bà mấy chục năm, không có ai chia sẻ, thăm nom, kể cả khi bà mất cũng không có ai về. Mọi người xung quanh và chính quyền địa phương đều biết hoàn cảnh của gia đình tôi. Chính vì vậy nên bà đã thương yêu và lập di chúc cho vợ chồng tôi được hưởng nhà và đất tại tổ 11 phường P2, quận S1, thành phố Đà Nẵng. Di chúc của bà ngoại tôi là hợp pháp nên nay tôi yêu cầu được hưởng di sản do bà ngoại tôi để lại theo di chúc. Nguyên vọng của tôi được ở lại ngôi nhà, thôi trả kỷ phần cho những người thừa kế.

Hiện nay tôi không có ngôi nhà nào khác. Trước đây, tôi có căn nhà tại tổ 14B phường P2, năm 2008 đã bán cho người khác. Khi bán không có giấy tờ. Trong trường hợp Toà án chia di sản thừa kế đề nghị trích công sức bảo quản di

sản cũng như công sức nuôi bà Ngô Thị T5 tỷ lệ là 70% toàn bộ giá trị nhà và đất đang tranh chấp.

Đối với ngôi nhà, trong quá trình sinh sống vợ chồng tôi có xây dựng chuồng cu nhưng theo tôi không đáng kể và tôi không quan tâm đến việc xây nhà.

-Người đại diện theo uỷ quyền của bà Nguyễn Thị Kim M là bà Huỳnh Mỹ N trình bày: Tôi thống nhất với ý kiến của mẹ tôi là bà Nguyễn Thị Kim M.

-Tại bản tự khai ngày 17/4/2017, bà Nguyễn Thị Kim M là người đại diện theo uỷ quyền của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên Nguyễn Thị Kim L1, Nguyễn Thị Kim T3, Nguyễn Thị Kim H, Nguyễn Văn S có ý kiến trình bày:

Ông ngoại tôi là ông Lê Văn X (*chết năm 1958*) và bà ngoại tôi là bà Ngô Thị T5 (*chết năm 2010*). Bà ngoại tôi chết có để lại di sản là nhà và đất tại tờ bản đồ số 29, tổ 11 phường P2, quận S1, thành phố Đà Nẵng.

Theo tôi nhà và đất này là tài sản riêng của bà, không liên quan đến ông Lê Văn X. Vào năm 2008 bà lập di chúc để lại toàn bộ di sản nhà và đất cho tôi.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Toà án chia di sản thừa kế nhà và đất là không có cơ sở vì di chúc của bà Ngô Thị T5 để lại cho tôi hoàn toàn hợp pháp, nguyên đơn không có quyền chia thừa kế.

Đối với số tiền đền bù giải toả 114.000.000đ do nguyên đơn yêu cầu chia thì tôi không đồng ý vì lúc đó bà còn sống, bà đã nhận số tiền này, bà sử dụng hay muốn cho ai thì cho, không ai có quyền can thiệp, vợ chồng tôi không có liên quan và cũng không sử dụng số tiền này.

-Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/6/2017, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn L2 trình bày:

Tôi là con của bà Lê Thị P1 và ông Nguyễn Văn M1. Tôi thống nhất với ý kiến của bà Nguyễn Thị Kim M về con chung của bố mẹ tôi.

Ngôi nhà hiện đang tranh chấp hiện nay là của bà Nguyễn Thị Kim M.

Vừa qua bà Nguyễn Thị Kim M có làm thủ tục uỷ quyền tham gia tố tụng tại Toà án nhưng tôi đi vắng không ký được.

Việc Toà án đang giải quyết tranh chấp nhà đất tôi không có ý kiến gì, ý kiến bà M thế nào thì tôi như vậy. Trong trường hợp Toà án chia thừa kế phần của tôi, tôi sẽ bàn bạc với bà M sau.

-Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn T2 có văn bản ngày 19/7/2107, trình bày: Tôi không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì lúc bà ngoại vợ tôi là bà Ngô Thị T5 lúc còn sống bà muốn cho ai tài sản là quyền của bà. Số tiền đền bù giải toả 114.000.000đ là do trước đây bà Ngô Thị T5

ủy quyền cho tôi trực tiếp nhận, tôi đem về giao lại hết cho bà, tuy nhiên không lập biên bản giao nhận.

Đối với lô đất bố trí tái định cư tôi là người giúp bà Ngô Thị T5 bán phiếu cho ông Thành. Trong quá trình ở trong nhà bà ngoại vợ thì vợ chồng tôi không có sửa sang nhà chính, chỉ có sửa sang đồ bê tông chuồng cu, dựng dàn sắt và lợp tôn bên phải và bên trái của ngôi nhà. Khi Toà án giải quyết yêu cầu của nguyên đơn thì vợ chồng tôi có nguyện vọng được nhận bằng hiện vật nhà và đất, đồng thời phải bồi thường lại phần sửa chữa và làm thêm của tôi.

- *Người đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh Văn T2, bà Huỳnh Mỹ N trình bày:* Thông nhất với ý kiến của ông Huỳnh Văn T2

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Kim có đơn xin vắng mặt ngày 14/8/2017, trình bày tại đơn:* Hiện nay tôi đang cư trú tại Hoa Kỳ, tôi có nhận được đầy đủ các văn bản tố tụng do Toà án nhân dân thành phố Đà Nẵng gửi cho tôi qua đường bưu điện.

Tuy nhiên, do điều kiện đi lại xa xôi, ảnh hưởng đến công việc và gia đình nên tôi không thể về Việt Nam tham gia tố tụng tại Toà án nhân dân có thẩm quyền xét xử, giải quyết vụ án nói trên.

Tôi cũng đã đến các cơ quan có thẩm quyền ở Hoa Kỳ cũng như Đại sứ quán Việt Nam ở Hoa Kỳ để xác nhận hợp pháp hoá lãnh sự các văn bản trình bày, ý kiến, đơn xin vắng mặt của tôi để gửi đến Toà án, tuy nhiên do điều kiện khó khăn, giấy tờ phức tạp nên các cơ quan này không xác nhận hay hợp pháp hoá lãnh sự giấy tờ cho tôi. Tôi không có cách nào để xác nhận hay thực hiện hợp pháp hoá lãnh sự giấy tờ theo như yêu cầu của pháp luật Việt Nam.

Do vậy, tôi làm đơn này gửi trực tiếp qua đường bưu điện đến Toà án, đề nghị Toà án nhân dân có thẩm quyền giải quyết, xét xử vắng mặt tôi trong quá trình tố tụng.

Ý kiến của tôi về vụ án như sau:

Trước đây cha mẹ tôi bà Ngô Thị T5 và ông Lê Văn X chết không để lại di chúc, có để lại tài sản đó là nhà và đất tại tổ 11 phường P2, quận S1, thành phố Đà Nẵng. Ông bà trước khi chết không có nợ nần gì ai.

Sau đó nhà đất bị giải toả một phần, ông Huỳnh Văn T2 là chồng bà Nguyễn Thị Kim M đứng ra nhận đất và số tiền đền bù giải toả 114.000.000đ và tự ý chiếm đoạt đất theo phiếu và số tiền trên không giao lại cho chúng tôi.

Tôi thống nhất với yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của ông Lê Văn B, bà Lê Thị P, bà Lê Thị T đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Kim M. Tôi cũng đồng ý với hàng thừa kế như ý kiến của nguyên đơn. Đề nghị Toà án chia di sản thừa kế theo

pháp luật đối với nhà và đất tại tổ 11 phường Mỹ, Sơn Trà, Đà Nẵng và số tiền đền bù, giải toả 114.000.000đ.

Đối với diện tích đất giải toả theo phiếu tái định cư của ban giải toả đền bù thì tôi đồng ý với ý kiến của nguyên đơn rút yêu cầu chia thừa kế đối với phần đất này vì bà Nguyễn Thị Kim M, ông Huỳnh Văn T2 đã tự ý chuyển nhượng qua nhiều người, đưa vào sẽ phức tạp thêm sự việc, sau này có điều kiện sẽ yêu cầu chia sau.

Tôi tự nguyện để lại kỷ phần của tôi được hưởng cho bà Lê Thị P. Tôi cũng đồng ý giao cho bà Lê Thị P được quản lý, sở hữu nhà và đất thừa kế tại tổ 11 phường P2, quận S1, thành phố Đà Nẵng.

Tôi không đồng ý trích công sức nuôi dưỡng, chăm sóc bà Ngô Thị T5 cho bà Nguyễn Thị Kim M vì chúng tôi hàng tháng có gửi tiền về mỗi người 200USD để phụng dưỡng mẹ Ngô Thị T5. Tôi cũng không đồng ý trích công sức bảo quản di sản của bà Nguyễn Thị Kim M từ trước cho đến nay vì bà Nguyễn Thị Kim M tự ý chiếm đoạt di sản sau khi mẹ tôi Ngô Thị T5 chết.

-Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn T1 có đơn xin vắng mặt ngày 14/8/2017, nội dung đơn như lời trình bày của bà Lê Thị K.

Tại bản án dân sơ sự thẩm số 55/2017/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2017, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

- Căn cứ khoản 1, Điều 1, Nghị quyết số: 103/2015/QH13 ngày 25-11-2015 của Quốc Hội về việc thi hành bộ luật tố tụng dân sự; Điểm b khoản 1 Điều 92; khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ: Điều 105; Điều 612; Điều 620; Điều 649; Điểm b, khoản 1 Điều 650; Điểm a, khoản 1 và khoản 2, 3 Điều 651; Điều 652; Khoản 3 Điều 658 và khoản 2 Điều 660 của Bộ luật dân sự; Điểm a, tiểu mục 2.4, mục 2 phần I, Nghị quyết số: 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10-8-2004 của Hội đồng Thẩm phán TAND Tối cao; Nghị quyết số: 326/2016-UBTVQH14 ngày 30-12/2016 của Ủy ban Thường vụ về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

1/ Đình chỉ giải quyết yêu cầu của các ông, bà: Lê Văn B, Lê Thị T và Lê Thị P về việc “*chia tài sản chung và chia thừa kế*” đối với lô đất tại B4.29 Khu An Cư 2 Mở rộng theo Phiếu Đăng ký đất tái định cư số: 01/01 của Ban Quản lý Dự án Công trình Bạch Đằng Đông ngày 31/7/2007.

2/ Chấp nhận yêu cầu của các ông, bà: Lê Văn B, Lê Thị T và Lê Thị P về việc “*Chia tài sản chung, chia thừa kế*” đối với nhà và đất tại số: 10 Hà Chương, tổ 11, phường P2, quận S1, thành phố Đà Nẵng.

2.1. Công nhận nhà và đất tại số 10 Hà Chương, tổ 11, phường P2, quận S1, thành phố Đà Nẵng là di sản, tài sản do cụ bà Ngô Thị T5 và cụ ông Lê Văn X để lại (*theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số: 3403061104 do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 15/10/2001 đứng tên cụ ông Lê Văn X và cụ bà Ngô Thị T5*).

2.2. Công nhận số tiền 114.079.697đ hiện do ông Huỳnh Văn T2 đang quản lý là di, tài sản của cụ bà Ngô Thị T5 và cụ ông Lê Văn X.

2.3. Buộc ông Huỳnh Văn T2 phải nộp số tiền 114.079.697đ, nhập vào khối di, tài sản của cụ bà Ngô Thị T5 và cụ ông Lê Văn X, để chia.

3/ Sau khi trích trừ công sức bảo quản cho bà Nguyễn Thị Kim M, số tiền: 691.180.834,850đ, giá trị nhà đất còn lại là: 13.132.435.862,200đ.

3.1. Công nhận $\frac{1}{2}$ nhà và đất tại số 10 Hà Chương, tổ 11, phường P2, quận S1, thành phố Đà Nẵng, có giá trị: 6.566.217.931,100đ là tài sản của cụ ông Lê Văn X, được chia cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ ông Lê Văn X, gồm các ông, bà: Ngô Thị T5, Lê Văn B, Lê Thị T, Lê Thị P1, Lê Thị P, Lê Văn T1 và Lê Thị K, mỗi phần có giá trị: 938.031.133,014đ.

- Chấp nhận sự tự nguyện của các ông, bà: Lê Văn B, Lê Thị T, Lê Thị K và Lê Văn T1 về việc giao tài sản được nhận do chia tài sản chung của cụ ông Lê Văn X, cho bà Lê Thị P nhận, sở hữu.

3.2. Công nhận $\frac{1}{2}$ nhà và đất tại số 10 Hà Chương, tổ 11, phường P2, quận S1, thành phố Đà Nẵng, có giá trị: 6.566.217.931,100đ và giá trị tài sản 938.031.133,014đ mà cụ bà Ngô Thị T5 được hưởng do chia tài sản của cụ ông Lê Văn X, tổng cộng: 7.504.249.064,110đ là di sản của cụ bà Ngô Thị T5, được chia cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ bà Ngô Thị T5, gồm các ông, bà: Lê Thị P1, Lê Thị P, Lê Văn T1 và Lê Thị K, mỗi kỹ phần có giá trị: 1.876.062.266,030đ.

- Chấp nhận sự tự nguyện của các ông, bà: Lê Thị K và Lê Văn T1 về việc giao kỹ phần được nhận do chia thừa kế của cụ bà Ngô Thị T5, cho bà Lê Thị P nhận, sở hữu.

3.3. Kỹ phần của bà Lê Thị P1 do thừa kế thế vị nhận, gồm các ông, bà: Nguyễn Thị Kim L1, Nguyễn Thị Kim M, Nguyễn Thị Kim H, Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn L2, Nguyễn Thị Kim T3 và Nguyễn Văn Ph.

4/ Giao cho bà Lê Thị P sở hữu toàn bộ nhà và đất tại số 10 Hà Chương, tổ 11, phường P2, quận S1, thành phố Đà Nẵng (*theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số: 3403061104 do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 15/10/2001 đứng tên cụ ông Lê Văn X và cụ bà Ngô Thị T5*).

5/ Buộc bà Nguyễn Thị Kim M tháo gỡ phần xây dựng khung trụ và kèo sắt, mái tôn của hai nhà tạm, giao trả 60m² đất phía Đông và 42m² đất phía Tây ngôi nhà số 10 Hà Chương, tổ 11, phường P2, quận S1, thành phố Đà Nẵng cho bà Lê Thị P quản lý, sở hữu.

6/ Buộc bà Lê Thị P trích công sức bảo quản di sản, tài sản cho bà Nguyễn Thị Kim M số tiền: 691.180.834,850đ.

7/ Buộc bà Lê Thị P trích trả kỹ phần cho các ông, bà: Nguyễn Thị Kim M, Nguyễn Thị Kim L1, Nguyễn Thị Kim T3, Nguyễn Thị Kim H, Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn L2 và cháu Nguyễn Thị Ngọc Duyên, mỗi người, số tiền: 402.013.342,724đ.

8/ Kỹ phần của ông Nguyễn Văn Ph thừa kế cho con là Nguyễn Thị Ngọc Duyên, do ông Nguyễn Văn S đại diện nhận, quản lý và có trách nhiệm giao cho cháu Nguyễn Thị Ngọc Duyên sở hữu khi cháu Nguyễn Thị Ngọc Duyên đủ 18 tuổi.

9/ Tiếp tục duy trì Quyết định số: 152/QĐ-BPKCTT ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc thay đổi biện pháp khẩn cấp tạm thời: Phong tỏa tài sản của ông Huỳnh Văn T2 là số tiền gửi 114.000.000đ, theo tài khoản số: 004238110006, số sổ: AA07799437 tại Ngân hàng TMCP Đông Á, để đảm bảo cho việc thi hành bản án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí định giá, quy định về thi hành án và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 21/9/2017, bị đơn bà Nguyễn Thị Kim M kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn T2 kháng cáo với nội dung: Tòa án sơ thẩm tuyên buộc ông T2 nộp lại số tiền 114.000.000 đồng là vô lý và thiệt hại đến quyền lợi của ông.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

Những người kháng cáo không rút, thay đổi hoặc bổ sung kháng cáo. Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện.

Đại diện VKSND cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bà M và ông T2 và giữ y bản án sơ thẩm.

Qua nghiên cứu toàn bộ hồ sơ vụ án, thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của những người tham gia tố tụng, người bảo vệ quyền lợi, ý kiến của Kiểm sát viên và sau khi nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ các tài liệu, chứng cứ tại hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự, có đủ căn cứ xác định Cụ Lê Văn X có 02 người vợ:

+ Người vợ trước là cụ Phan Thị T4; giữa cụ X và cụ T4 có 3 con chung là các ông, bà Lê Văn B, Lê Thị T (*Nguyễn Thị Th1*) và ông Lê Văn H1 (*ông Hiền chết không có vợ con*).

+ Người vợ hai của cụ Lê Văn X là cụ Lê Thị T5; cụ X và cụ T5 có 05 con chung là các ông, bà Lê Thị P1, Lê Thị P (*Ngô Thị P*), Lê Văn T1, Lê Thị K (*Kim L*) và ông Lê Văn Đ (*ông Đ chết không có vợ con*).

[2] Nhà, đất đang tranh chấp tại số 10 Đường HT, tổ 11, phường P2, Quận S1, Thành phố Đà Nẵng (*thửa đất số 13, tờ bản đồ số 29*) theo giấy chứng nhận QSD nhà ở và QSD đất ở số 3403061104 do Ủy ban nhân dân Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 15/10/2001 đứng tên cụ Lê Văn X và cụ Ngô Thị T5. Tuy nhiên, bị đơn Nguyễn Thị Kim M cho rằng nhà, đất tại số 10 Đường HT đang tranh chấp là tài sản riêng của cụ T5, do cụ T5 tạo lập sau khi cụ X mất. Lời khai của bà M nêu trên phù hợp với xác nhận của UBND phường P2, quận S1, thành phố Đà Nẵng tại Công văn số 133/UBND ngày 14/12/2011 (BL119): “*Bà Ngô Thị T5 có chồng là ông Lê Văn X. Vào trước năm 1958 vợ chồng bà T5 có nhà và đất tại khối phố I xã Mỹ Khê (nay là tổ 22 phường P2). Đến khoảng năm 1958, năm 1959 ông Lê Văn X chết tại ngôi nhà này. Sau khi ông X chết, bà T5 và các con vào Nha Trang làm ăn sinh sống. Đến khoảng năm 1962 bà T5 về lại địa phương, nhưng do ngôi nhà cũ bị người khác chiếm ở nên bà T5 về tại nhà mẹ ruột để ở. Sau đó bà T5 xin chính quyền địa phương khai phá mảnh đất tại khu vực Khối phố 2 xã Mỹ Khê (nay là tổ 11 Phường P2) và bà T5 xây dựng nhà ở cho đến nay. Hiện nay bà T5 được thờ tự tại ngôi nhà này.*”.

Nội dung Công văn số 133/UBND ngày 14/12/2011 phù hợp với lời khai xác nhận của các ông Huỳnh Văn Đại, Ngô Nhơn, Huỳnh Thị Thanh, Huỳnh Văn Việt và phù hợp với tờ khai đăng ký nhà của bà Ngô Thị T5 vào ngày 10/7/1976: “*Chồng chết. Năm xây dựng 1967...vách ván lợp tôn...*” (BL 123) thể hiện nhà ở được xây dựng sau khi ông X chết (*ngày 27/12/1957*) và phù hợp với Giấy tự báo của bà Ngô Thị T5 với nội dung bà T5 xây dựng nhà ở vào thời điểm sau khi ông X chết: “*Vào năm 1968 chúng tôi có xây cất nhà ở 4x 6m...*” (BL 124). Giấy tự báo này của bà T5 được bảo đảm của hai người làm chứng là ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị M2; được Ban nhân dân khối 2, phường P2 xác nhận ngày 05/11/1976 và được lưu giữ tại Văn phòng đăng ký Quyền sử dụng đất thành phố Đà Nẵng. Các chứng cứ nêu trên đã thể hiện nhà và đất đang tranh chấp là của cụ T5 tạo lập sau khi cụ X chết, là tài sản riêng của cụ T5 nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành thu thập chứng cứ, điều tra làm rõ các nội dung xác nhận của UBND phường P2, quận S1 tại Công văn số 133/UBND ngày 14/12/2011; xác nhận của Ban nhân dân khối 2, phường P2 ngày 05/11/1976; lấy lời khai của hai người làm chứng là

ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị M2, các nhân chứng khác cùng ở tại tổ 22 phường P2 và tổ 11 Phường P2... để xác định các nội dung trên có đúng sự thật hay không để làm căn cứ giải quyết vụ án được chính xác và xác định các nội dung này sẽ có ảnh hưởng đến việc phân chia tài sản đang tranh chấp. Bản án sơ thẩm căn cứ vào nhận định của bản án phúc thẩm số 37/2014/DS-PT ngày 10/6/2014 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng (*đang có hiệu lực pháp luật*) xác định Nhà và đất đang tranh chấp của cụ X và cụ T5 để nhận định ½ di sản là của cụ X theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 92 BLTTDS năm 2015 là không chính xác; vì tình tiết sự kiện không cần phải chứng minh của bản án phúc thẩm số 37/2014/DS-PT ngày 10/6/2014 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng được nêu ở phần Quyết định của bản án, đó là: Di chúc lập ngày 20/02/2008 của bà Ngô Thị T5 được UBND phường P2, quận S1 chứng thực ngày 22/02/2008 là vô hiệu.

[3] Số tiền đền bù giải tỏa một phần đất số 10 Đường HT, phường P2, Quận S1, Thành phố Đà Nẵng có giá trị 114.079.697 đồng, số tiền này do ông Huỳnh Văn T2 nhận, ông T2 khai đã giao lại cho bà Ngô Thị T5 nhưng không có chứng cứ bà T5 đã nhận lại số tiền này từ ông T2 nên Bản án sơ thẩm buộc ông T2 phải có trách nhiệm hoàn trả lại số tiền 114.079.697 đồng là có căn cứ nhưng phần Quyết định của bản án sơ thẩm không buộc ông T2 hoàn trả cho ai là chưa đúng và không thể thi hành án được.

[4] Vụ án này khi giải quyết tại cấp sơ thẩm và nguyên đơn bổ sung yêu cầu chia tài sản chung vào ngày 03/8/2017 là thời điểm Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành (01/01/2017). Theo quy định tại khoản 1 Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015 thì thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản và theo hướng dẫn số 01/GĐ-TANDTC ngày 05/01/2018 của Tòa án nhân dân tối cao đối với các trường hợp mở thừa kế trước ngày 10/9/1990 thì thời hiệu khởi kiện được tính từ ngày 10/9/1990. Do đó, thời hiệu khởi kiện để chia thừa kế di sản của cụ X vẫn còn nhưng Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết về chia tài sản chung là không đúng quy định của pháp luật. Mặt khác, Theo hướng dẫn tại điểm a, tiểu mục 2.4, mục 2, phần I Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao: “ *Trường hợp trong thời hạn 10 năm, kể từ thời điểm mở thừa kế mà các đồng thừa kế không có tranh chấp về quyền thừa kế và có văn bản xác nhận là đồng thừa kế hoặc sau khi kết thúc thời hạn 10 năm mà các đồng thừa kế không có tranh chấp về hàng thừa kế và điều thừa nhận di sản do người chết để lại chưa chia thì di sản đó chuyển thành tài sản chung của các thừa kế. Khi có tranh chấp và yêu cầu Tòa án giải quyết thì không áp dụng thời hiệu khởi kiện về quyền thừa kế mà áp dụng các quy định của pháp luật về chia tài sản chung để giải quyết...*”. Vì vậy, theo hướng dẫn của Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án

nhân dân tối cao nêu trên thì việc khởi kiện của nguyên đơn không thỏa mãn điều kiện “*đều thừa nhận di sản do người chết để lại chưa chia*” để chia tài sản chung theo quy định của pháp luật; vì bà Lê Thị P1 đã chết và không có lời khai thừa nhận di sản của cụ X chưa chia; các con của bà P1 gồm Nguyễn Thị Kim L1, Nguyễn Thị Kim M, Nguyễn Thị Kim H, Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn L2, Nguyễn Thị Kim T3 và Nguyễn Văn Ph là những người thừa kế thế vị đều có lời khai cho rằng nhà, đất đang tranh chấp không phải là tài sản của cụ Lê Văn X. Cho nên, Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý và giải quyết chia tài sản chung của cụ Lê Văn X là không có căn cứ.

[5] Về tố tụng:

+ Lê Văn T1, Lê Thị K (*Kim L*) là người Việt Nam đang định cư tại Mỹ có đơn xin vắng mặt và giao kỷ phần thừa kế của mình cho bà Lê Thị P (*kể cả việc nhận bản án sơ thẩm*) thông qua đường bưu điện, tuy có thể hiện tên và địa chỉ rõ ràng nhưng các đơn này không được hợp pháp hóa lãnh sự hoặc chứng thực của cơ quan có thẩm quyền ở nước ngoài theo quy định tại khoản 2 Điều 478 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 92, điểm b khoản 1 Điều 3, Điều 5 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ và Điều 2, Điều 3, Điều 4 Nghị định số 111/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ.

Do đó, không thể xác định chữ ký trong các đơn trên có phải chữ ký của ông T1, bà K hay của ai khác và các đơn này đã thể hiện đúng ý chí của ông T1, bà K về việc giao tài sản thừa kế được hưởng cho bà P hay không.

+ Biên bản nghị án: Không áp dụng các căn cứ pháp luật và không biểu quyết từng vấn đề theo quy định tại khoản 2 Điều 264 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: “*Khi nghị án, các thành viên Hội đồng xét xử phải... giải quyết tất cả các vấn đề của vụ án bằng cách biểu quyết theo đa số từng vấn đề.*”

[6] Với các sai sót nêu trên, cấp phúc thẩm không thể bổ sung được nên chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim M, ông Huỳnh Văn T2 và hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[7] Do kháng cáo được chấp nhận nên những người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 và khoản 1, 2 Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim M, ông Huỳnh Văn T2.

1. Huỷ bản án dân sự sơ thẩm số 55/2017/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2017 của Toà án nhân dân thành phố Đà Nẵng. Về việc: “*Tranh chấp thừa kế và chia tài sản chung*”; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

+ Ông Lê Văn B, sinh năm: 1945.

Địa chỉ: Thôn 01 xã HT1, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

+ Bà Lê Thị P (Ngô Thị P), sinh năm: 1945.

Địa chỉ: 11/07, 87 Đường HK, phường 5, quận G, thành phố Hồ Chí Minh.

+ Bà Lê Thị T (Nguyễn Thị Th1) sinh năm: 1947.

Trú tại: 14/10 Đường TN, tổ 69, phường B1, quận H2, thành phố Đà Nẵng.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim M, sinh năm: 1968.

Trú tại: Tổ 11, phường P2, quận S1, thành phố Đà Nẵng

2. Giao hồ sơ vụ án cho Toà án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm lại theo thủ tục sơ thẩm theo đúng quy định của pháp luật.

3. Án phí dân sự phúc thẩm bà Nguyễn Thị Kim M, ông Huỳnh Văn T2 không phải chịu. Hoàn trả cho bà M số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 01186 ngày 29/9/2017 của Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng và hoàn trả cho ông T2 số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 01185 ngày 29/9/2017 của Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử;
- Lưu hồ sơ, HCTP, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Phước Thanh